

## PHỤ LỤC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>11,50</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>2,50</b>		
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC năm	1,00		
	<i>Ban hành kịp thời theo quy định: 1</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành: 0</i>			
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ trên các lĩnh vực CCHC theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	0,50		
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>			
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>			
1.1.3	Thực hiện Kế hoạch CCHC	1,00		
	<i>Thực hiện từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i>			
	$\frac{\text{Tỷ lệ \% thực hiện} \times 1}{100\%}$			
	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính</b>	<b>2,00</b>		
1.2.1	Số lượng và nội dung báo cáo định kỳ (báo cáo quý I, II, III và báo cáo năm)	1,00		
	<i>Đủ số lượng và đầy đủ nội dung: 1</i>			
	<i>Không đủ số lượng báo cáo: 0</i>			
1.2.2	Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định theo yêu cầu văn bản của UBND huyện	1,00		
	<i>Tất cả báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Có báo cáo gửi chậm hạn: 0</i>			
<b>1,3</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>3,00</b>		
	$\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.50}{100\%} \right]$			
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các cuộc họp trong cơ quan; gửi đến cá nhân qua hệ thống Văn phòng điện tử; Trang thông tin điện tử; tờ rơi; loa phóng thanh: 1</i>	1,00		
	<i>Hàng tháng có ít nhất 01 tin, bài về CCHC đăng trên Trang thông tin điện tử của đơn vị: 2</i>	2,00		
<b>1,4</b>	<b>Có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC được cấp có thẩm quyền công nhận</b>	<b>1,00</b>		
<b>1,5</b>	<b>Đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân</b>	<b>3,00</b>		
1.5.1	Đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân	1,50		
	<i>Tổ chức từ 01 cuộc đối thoại trở lên: 1,5</i>			
	<i>Không tổ chức đối thoại: 0</i>			
1.5.2	Xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân tại các cuộc đối thoại (trường hợp không có đề xuất, kiến nghị được điểm tối đa)	1,50		

	<i>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân: 1,5</i>			
	<i>Còn có đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp không được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
<b>2</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>	<b>7,00</b>		
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>2,00</b>		
2.1.1	Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1,00		
	<i>Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật không đầy đủ nội dung hoặc không đúng thời gian quy định: 0</i>			
2.1.2	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1,00		
	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 1</i>			
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>			
<b>2,2</b>	<b>Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị</b>	<b>1,00</b>		
	<i>Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 1</i>			
	<i>Còn có văn bản chưa xử lý hoặc đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0</i>			
<b>2,3</b>	<b>Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật</b>	<b>4,00</b>		
2.3.1	Ban hành kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1,00		
	<i>Có ban hành: 1</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
2.3.2	Kết quả thực hiện Kế hoạch	1,00		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.3.3	Tổ chức ngày pháp luật trong năm	2,00		
	<i>Có tổ chức: 2</i>			
	<i>Không tổ chức: 0</i>			
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>26,00</b>		
<b>3.1</b>	<b>Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>6,00</b>		
3.1.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	2,00		
	<i>Ban hành kịp thời (theo đúng thời gian được giao trong Kế hoạch của UBND huyện): 2</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành: 0</i>			
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	2,00		
	<i>Hoàn thành từ 80 - 100% kế hoạch tính theo công thức</i>			
	$\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành kế hoạch}) \times 2,0}{100\%} \right]$			

	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá	2,00		
	<i>Có đề xuất kiến nghị: 2</i>			
	<i>Không có đề xuất kiến nghị: 0</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
<b>3.2</b>	<b>Công khai TTHC</b>	<b>3,00</b>		
	<i>100% TTHC và các quy định về TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC cấp xã: 3</i>			
<b>3.3</b>	<b>Ban hành đầy đủ, đúng quy định các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ, của tỉnh</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 2</i>			
	<i>Ban hành không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			
<b>3.4</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</b>	<b>6,00</b>		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	5,00		
	<i>100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn: 5</i>			
	<i>Từ 98% -dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 3</i>			
	<i>Dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>			
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã (trường hợp không có hồ sơ TTHC trả trễ hẹn được điểm tối đa)	1,00		
	<i>100% hồ sơ TTHC cấp xã trả trễ hẹn được xin lỗi theo quy định: 1</i>			
<b>3.5</b>	<b>Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>6,00</b>		
3.5.1	Kết quả phân loại công chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	2,00		
	<i>100% công chức xếp loại A: 2 điểm</i>			
	<i>Có công chức xếp loại B, đồng thời các công chức còn lại không có trường hợp xếp loại C, loại D: 1</i>			
	<i>Có công chức xếp loại C hoặc xếp loại D: 0</i>			
3.5.2	Tiến độ giải quyết TTHC của UBND cấp xã trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	4,00		
	<i>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, trong hạn từ 90% - 100%: 4 điểm</i>			
	<i>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, trong hạn từ 80% đến dưới 90%: 2 điểm</i>			
	<i>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, trong hạn dưới 80%: 0 điểm</i>			
<b>3.6</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (trường hợp không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được điểm tối đa)</b>	<b>1,00</b>		
	<i>100% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Còn có PAKN chưa được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			

3.7	<b>Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Không có đơn thư, phản ánh cán bộ, công chức gây phiền hà, sách nhiễu cho cá nhân, tổ chức hoặc có đơn thư, phản ánh nhưng qua xác minh nội dung phản ánh không đúng sự thật (có xác nhận của cấp có thẩm quyền): 2</i>			
	<i>Có đơn thư, phản ánh cán bộ, công chức gây phiền hà, sách nhiễu cho cá nhân, tổ chức : 0</i>			
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>6,00</b>		
4.1	<b>Thực hiện quy định về sử dụng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khối phố</b>	<b>1,00</b>		
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người được giao: 1</i>			
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người được giao: 0</i>			
4.2	<b>Xếp loại chính quyền cấp xã</b>	<b>5,00</b>		
	<i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 5</i>			
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 3</i>			
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ: 2</i>			
	<i>Không hoàn thành nhiệm vụ: 0</i>			
<b>5</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>7,00</b>		
5.1	<b>Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 2</i>			
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0</i>			
5.2	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>2,00</b>		
	<i>100% số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn: 2</i>			
	<i>Còn có cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn: 0</i>			
5.3	<b>Ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở đảm bảo thời gian quy định</b>	<b>1,00</b>		
5.4	<b>Kết quả đánh giá bộ, công chức</b>	<b>2,00</b>		
	<i>100% cán bộ, công chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 2</i>			
	<i>Từ 95- dưới 100% công chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ: 1</i>			
	<i>Dưới 95% công chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ: 0</i>			
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>8,50</b>		
6.1	<b>Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (chỉ tính vốn kế hoạch năm đánh giá; số liệu ước giải ngân đến 31/01 năm liền kề năm đánh giá)</b>	<b>1,00</b>		
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% kế hoạch trở lên: 1</i>			
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% - dưới 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>			
	$\frac{[Tỷ\ lệ\ \% \text{ giải\ ngân} \times 1]}{90\%}$			

	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 70% so với kế hoạch được giao: 0</i>			
<b>6,1</b>	<b>Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá (không phát sinh sai phạm trong năm đánh giá; không sai phạm về thực hiện quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước): 2</i>			
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá (là số kinh phí được phát hiện sai phạm không đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, phải thu hồi trong năm đánh giá, không bao gồm các kiến nghị phần lời theo kết luận Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước: các ý kiến đề nghị đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm): 0</i>			
<b>6,2</b>	<b>Thực hiện công khai, chấp hành dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>			
	<i>Thực hiện không đúng quy định : 0</i>			
<b>6,3</b>	<b>Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (các kiến nghị trong năm đánh giá và năm trước liền kề năm đánh giá; trường hợp không có kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được điểm tối đa)</b>	<b>1,50</b>		
	<i>100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 1,5</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 1</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 90% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 70% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0</i>			
<b>6,4</b>	<b>Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công phù hợp với thể chế hiện hành</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Ban hành Quy chế phù hợp thể chế hiện hành: 2</i>			
	<i>Không ban Quy chế hoặc ban hành Quy chế không phù hợp thể chế hiện hành: 0</i>			
<b>7</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>25,00</b>		
<b>7,1</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình</b>	<b>5,00</b>		
	<i>Điểm tính theo công thức:</i>			
	$\frac{[Số\ hồ\ sơ\ giải\ quyết\ trực\ tuyến\ của\ DVC\ trực\ tuyến\ toàn\ trình \times 5]}{Tổng\ hồ\ sơ\ giải\ quyết\ trong\ năm\ của\ dịch\ vụ\ công\ trực\ tuyến\ toàn\ trình}$			
<b>7,2</b>	<b>Cập nhật hồ sơ giải quyết TTHC cấp xã vào Hệ thống phần mềm một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>5,00</b>		
	<i>100% hồ sơ giải quyết TTHC được cập nhật, xử lý đầy đủ, đúng quy định: 5</i>			
	<i>Còn có hồ sơ chưa được cập nhật hoặc được xử lý không đúng quy định: 0</i>			
<b>7,3</b>	<b>Hoạt động của trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị</b>	<b>4,00</b>		
7.3.1	<b>Số lượng tin bài được đăng tải hàng tháng về thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của cơ quan, đơn vị</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Mỗi tháng có từ 3 tin, bài trở lên: 2</i>			
	<i>Mỗi tháng có từ 01 - 02 tin, bài: 1</i>			
	<i>Mỗi tháng có dưới 01 tin, bài: 0</i>			

7.3.2	Số lượng văn bản hướng dẫn chỉ đạo các lĩnh vực công tác của cơ quan, đơn vị được đăng tải trong năm	2,00		
	<i>Có từ 20 văn bản trở lên: 2</i>			
	<i>Có từ 10 đến dưới 20 văn bản: 1</i>			
	<i>Có dưới 10 văn bản: 0</i>			
<b>7,4</b>	<b>Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC</b>	<b>3,00</b>		
	<i>Hoàn thành 100% chỉ tiêu số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo chỉ tiêu cấp có thẩm quyền giao: 3</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 100% chỉ tiêu số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thì điểm được tính theo công thức:</i>			
	<i><math display="block">\frac{\text{Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị} \times 3,0}{\text{Chỉ tiêu cấp có thẩm quyền giao}}</math></i>			
<b>7,5</b>	<b>Ban hành danh mục hồ sơ theo đúng quy định</b>	<b>2,00</b>		
<b>7,6</b>	<b>Thực hiện thanh toán trực tuyến</b>	<b>6,00</b>		
7.6.1	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 3 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	3,00		
7.6.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 3 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	3,00		
<b>8</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN PHÁT TRIỂN KT-XH</b>	<b>9,00</b>		
<b>8,1</b>	<b>Số lượng Hợp tác xã thành lập mới trong năm</b>	<b>2,00</b>		
	<i>Tăng so với năm trước liền kề: 2</i>			
	<i>Không tăng so với năm trước liền kề: 0</i>			
<b>8.2</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của xã Kế hoạch được UBND huyện giao</b>	<b>3,00</b>		
	<i>Vượt chỉ tiêu được giao: 3</i>			
	<i>Hoàn thành chỉ tiêu được giao: 1,5</i>			
	<i>Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0</i>			
<b>8.3</b>	<b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND cấp huyện giao</b>	<b>4,00</b>		
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*4+(c/a)*3,5. Trong đó:</i>			
	<i>a là tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch</i>			
	<i>b là số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch</i>			
	<i>c là số chỉ tiêu KT-XH đạt so với kế hoạch</i>			
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100,00</b>		